

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2022-2025
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
I QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ⁽¹⁾ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó, có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt
II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã (ĐX) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 80%	100%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 50%	≥ 70%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (hoặc đường vào khu sản xuất tập trung đối với xã miền núi) đảm bảo vận chuyển	≥ 50%	≥ 70%

(¹) Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		hàng hóa thuận tiện quanh năm		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở những khu vực sản xuất tập trung, các cánh đồng lớn, cánh đồng dồn điền đổi thửa tổ chức canh tác ổn định được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%	≥ 98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	<p>- Đối với xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó ≥ 70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1</p> <p>- Đối với xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó ≥ 50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1</p>	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa (hoặc hội trường đa năng hoặc nhà làng truyền thống) và sân (khu) thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Nhà văn hóa xã đảm bảo tối thiểu 100 chỗ ngồi và ít nhất 01 phòng chức năng; có đầy đủ bàn ghế ngồi, trang trí khánh tiết, hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; có trồng hoa, cây xanh, nhà vệ sinh và tường rào cổng ngõ (nếu nhà văn hóa xã không nằm trong khuôn viên UBND xã).	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Nhà văn hóa xã đảm bảo chỗ ngồi và phòng chức năng ⁽²⁾ ; có đầy đủ bàn ghế ngồi, trang trí khánh tiết, hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; có trồng hoa, cây xanh, nhà vệ sinh và tường rào cổng ngõ (nếu nhà văn hóa xã không nằm trong khuôn viên

⁽²⁾ Các xã thuộc các huyện Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn đảm bảo tối thiểu 150 chỗ ngồi và ít nhất 01 phòng chức năng; các xã thuộc huyện/thị xã/thành phố còn lại đảm bảo tối thiểu 200 chỗ ngồi và ít nhất 3 phòng chức năng.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			- Sân thể thao xã có chiều dài tối thiểu 90 mét, chiều rộng tối thiểu 45 mét (<i>không kể khán đài, chỗ ngồi của khán giả và các hạng mục khác</i>), có trồng cây xanh bóng mát. Đối với xã khó khăn về diện tích thì thực hiện theo đúng diện tích quy hoạch của sân thể thao xã được cấp thẩm quyền phê duyệt	<i>UBND xã</i> . - Sân/khu thể thao xã có chiều dài tối thiểu 90 mét, chiều rộng tối thiểu 45 mét (<i>không kể khán đài, chỗ ngồi của khán giả và các hạng mục khác</i>); có trồng cây xanh bóng mát
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ⁽³⁾	Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi của xã được bố trí ở khu trung tâm hoặc khu vực đông dân cư (<i>diện tích tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương</i>), có trang thiết bị phù hợp với nội dung hoạt động. Xã khó khăn về diện tích có thể sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã (<i>nhà văn hóa xã, khu thể thao xã</i>), nhà văn hoá thôn, khu thể thao thôn để bố trí điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa (<i>nhà làng truyền thống đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>) và khu thể thao thôn phục vụ cộng đồng	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Xã có chợ nằm trong quy hoạch mạng lưới chợ của tỉnh (trong kỳ quy hoạch cùng với kỳ phân đấu đạt chuẩn NTM của xã) đạt chuẩn theo quy định hoặc xã có siêu thị mini/cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương. Trường hợp xã không có chợ nằm trong quy hoạch mạng lưới chợ của tỉnh hoặc có nằm trong quy hoạch nhưng giai đoạn 2022-2025 chưa cần đầu tư xây dựng chợ	

⁽³⁾ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			thì không xem xét, đánh giá tiêu chí này.	
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có ≥ 01 điểm phục vụ bưu chính (điểm có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp; có treo biển tên điểm phục vụ; niêm yết giờ mở cửa, thời gian mở cửa ít nhất 4 giờ/ngày; có dịch vụ thư, dịch vụ gói kiện hàng với khối lượng theo quy định)	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt đủ các chỉ tiêu: - 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Xã có Đài truyền thanh theo hướng dẫn của ngành Thông tin và Truyền thông. - Có ít nhất 2/3 số thôn có hệ thống loa hoạt động tốt	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Xã có Đài truyền thanh theo hướng dẫn của ngành Thông tin và Truyền thông. - 100% thôn có hệ thống loa hoạt động tốt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 60%; - Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: + Hệ thống quản lý văn bản điều hành và cập nhật thông tin văn bản đi, đến trên hệ thống đạt trên 70%. + Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước. + Hệ thống một cửa điện tử.	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 70%; - Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: + Hệ thống quản lý văn bản điều hành và cập nhật thông tin văn bản đi, đến trên hệ thống đạt trên 90%. + Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước. + Hệ thống một cửa

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			+ Công/trang thông tin điện tử của xã có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%.	điện tử. + Công/trang thông tin điện tử của xã có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%.
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 75%	≥ 80%
III	KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người</i>)	- Năm 2021: ≥ 36 - Năm 2022: ≥ 39 - Năm 2023: ≥ 42 - Năm 2024: ≥ 45 - Năm 2025: ≥ 48	- Năm 2021: ≥ 41 - Năm 2022: ≥ 44 - Năm 2023: ≥ 47 - Năm 2024: ≥ 50 - Năm 2025: ≥ 53
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Thực hiện theo chỉ tiêu công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 70%	≥ 75%
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 20%	≥ 25%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã (hoặc sản phẩm mang tính chất đặc	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		gắn với xây dựng vùng nguyên liệu ⁽⁴⁾ và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	<p>hữu hoặc sản phẩm OCOP) được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc (bằng mã vạch, mã số hoặc mã QR code) đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.</p> <p>- Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực (hoặc sản phẩm mang tính chất đặc hữu hoặc sản phẩm OCOP) của xã được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc tiêu chuẩn chất lượng khác (GlobalGAP, GMP, ISO, HACCP, FSC, hữu cơ...) được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực.</p>	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống ⁽⁵⁾ (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Xã có kế hoạch (<i>hàng năm hoặc 05 năm</i>) bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND cấp huyện phê duyệt và có triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả trên thực tế	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Có Tổ khuyến nông cộng đồng xã được thành lập trên tinh thần tự nguyện được UBND xã công nhận, có nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động, có kế hoạch hoạt động thường xuyên để hỗ trợ, tư vấn tốt cho người dân và tham gia các nội dung trong Chương trình NTM trên địa bàn. Đối với những xã gần đô thị, xã có lộ trình lên đô thị, xã diện tích đất sản xuất nông nghiệp hoặc cơ cấu kinh tế nông nghiệp thấp, những xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn liền kề nhau thì Tổ khuyến nông cộng đồng có thể thành lập, hoạt động liên xã (<i>do UBND cấp huyện công nhận</i>), nếu hỗ trợ, tư vấn tốt cho người dân trên địa bàn xã đánh giá thì cũng được xem xét đạt chuẩn.	

⁽⁴⁾ Chỉ tiêu 13.3 chỉ áp dụng đánh giá đối với xã có quy hoạch vùng nguyên liệu nông sản chủ lực nằm trong vùng, không gian phát triển sản xuất nông nghiệp (vùng sản xuất lớn, vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu) của quy hoạch vùng huyện (hoặc quy hoạch chung đối với thị xã, thành phố) hoặc xã có quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất tập trung nông sản chủ lực trong định hướng quy hoạch không gian sản xuất nông nghiệp của quy hoạch chung xây dựng xã.

⁽⁵⁾ Chỉ tiêu 13.4 chỉ áp dụng đánh giá đối với xã có làng nghề, làng nghề truyền thống được cấp có thẩm quyền công nhận, kể cả làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận trước ngày Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn có hiệu lực thi hành, phù hợp với các tiêu chí quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
IV	VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá trở lên.	
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	$\leq 22\%$
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	$\geq 50\%$
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có ít nhất 70% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa 3 năm liên tục (tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới). Đối với xã có 3 thôn thì ít nhất 2/3 thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa 3 năm liên tục. - 100% thôn có hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, được	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			UBND cấp huyện công nhận. - Có ít nhất 01 thôn được UBND cấp huyện phê duyệt phương án/kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu (hoặc phương án/kế hoạch duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu đối với thôn đã đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM) và có tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đề ra.	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 35\%$ ($\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	$\geq 45\%$ ($\geq 25\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ) nằm trong quy hoạch xã NTM (hoặc quy hoạch vùng huyện đối với 2-3 xã quy hoạch 01 nghĩa trang hoặc nghĩa trang nằm trong quy hoạch của Khu Kinh tế mở Chu Lai hoặc nghĩa trang nằm trong quy hoạch chung đối với các xã ở thị xã, thành phố), được xây dựng với quy mô phù hợp để thực hiện việc chôn cất phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, hương ước của thôn, làng, xóm, địa phương; phù hợp truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại, không phô trương, lãng phí. - Có quy chế quản lý nghĩa trang được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải	$\geq 70\%$	$\geq 75\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁽⁶⁾	≥ 70%	≥ 85%
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 60%	≥ 75%
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 30%	≥ 30%
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 30%	≥ 50%
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở	100%	100%

⁽⁶⁾ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		lên		
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	UBND xã có ban hành và triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân và cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới với ít nhất 02 lớp/năm, số người được bồi dưỡng ít nhất 200 người/năm.	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.		

* Xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025, ngoài đạt chuẩn 19 tiêu chí nêu trên cần thêm đủ các điều kiện sau:

(1) Có ít nhất 01 thôn được UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2022-2025 (đối với xã đã có thôn được UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM trong giai đoạn 2016-2021 thì phải đảm bảo duy trì nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025).

(2) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trái quy định, không có khả năng thanh toán.

(3) Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM của xã đảm bảo quy trình và kết quả người dân hài lòng đạt tỷ lệ theo quy định của Trung ương, của tỉnh./.